

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HỒNG PHÁT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HỒNG PHÁT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG PHAT VIET NAM COMMERCIAL INVESTMENT LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109721063

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6 Ngách 129, Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0938298896

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                         | 8299(Chính) |
| 2.  | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                              | 1512        |
| 3.  | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                  | 3240        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>chi tiết: + Bán buôn hàng may mặc;<br>+ Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác;<br>+ Bán buôn giày dép                                                                                            | 4641        |
| 5.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: +Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;<br>+ Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                               | 4620        |
| 7.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                              | 4631        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: + Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>+ Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>+ Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>+ Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: +Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;<br>+ Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4669 |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4711 |
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: + Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4759 |
| 12. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4761 |
| 13. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: +Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                 | 4771 |
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: +Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ các hoạt động bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí ; kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                             | 4773 |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: + Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm Hoạt động của nhà đấu giá)                                                                                                                                                                                              | 4774 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: +Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ;<br>+ Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ;                                                                                                                                                                                                                                  | 4781 |
| 17. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: + Bán lẻ hàng may mặc lưu động hoặc tại chợ;<br>+ Bán lẻ giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4782 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                | 4784 |
| 19. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4785 |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: + Bán lẻ vàng trang sức mỹ nghệ, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ;<br>+ Bán lẻ xe đạp và phụ tùng lưu động hoặc tại chợ;<br>+ Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ;<br>+ Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ;                                                                                                                                             | 4789 |
| 21. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động Đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4791 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610 |
| 23. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh<br>Chi tiết: + Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng;<br>+ Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2310 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>- Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; | 2599 |
| 25. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3100 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | <p>Hoàn thiện công trình xây dựng</p> <p>Chi tiết: - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,</p> <p>- Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự,</p> <p>- Lắp đặt thiết bị nội thất,</p> <p>- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...</p> <p>- Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như:</p> <p>+ Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm,</p> <p>+ Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác,</p> <p>+ Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa,</p> <p>+ Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...</p> <p>- Lắp gương, kính,</p> <p>- Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền...</p> | 4330 |
| 27. | <p>Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm</p> <p>(Không bao gồm trung tâm môi giới việc làm, chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước cho phép)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7810 |
| 28. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7820 |
| 29. | <p>Cung ứng và quản lý nguồn lao động</p> <p>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7830 |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 31. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng</p> <p>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>- Lập quy hoạch xây dựng</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án</p> <p>- Giám sát thi công xây dựng</p> <p>- Kiểm định xây dựng</p> <p>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng</p>                                                                                                                                                                                             | 7110 |
| 32. | <p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 33. | <p>Dịch vụ phục vụ đồ uống</p> <p>(Không bao gồm đồ uống phục vụ trong quán bar, quán karaoke, quán rượ; quán giải khát có khiêu vũ)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 34. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9524 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1410 |
| 36. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như:<br>+ Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn,<br>+ Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao),<br>+ Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy),<br>+ Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác,<br>- Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; | 3290 |
| 37. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4764 |
| 38. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3230 |
| 39. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4763 |
| 40. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4722 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐINH MINH SƠN  | Việt Nam  | Số 6 Ngách 129 Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.200.000.000         | 60,000    | 001085009907                                                                                            |         |
| 2   | ĐỖ THỊ PHƯỢNG  | Việt Nam  | Số 6 Ngách 129 Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 800.000.000           | 40,000    | 037193002044                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH MINH SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085009907

Ngày cấp: 27/11/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 6 Ngách 129 Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6 Ngách 129 Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội